

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 720/QĐ-ĐHTĐ ngày 17 tháng 8 năm 2025 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : **Quản trị khách sạn (Hospitality Management)**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Quản trị khách sạn**

Mã ngành : **7810201**

Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn trình độ đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. Sinh viên được trang bị kiến thức chuyên môn vững chắc, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo thông qua mô hình học tập trải nghiệm, thực tiễn và tích hợp công nghệ. Chương trình hướng đến việc hình thành năng lực tự chủ, năng lực hợp tác hiệu quả và khả năng đổi mới trong môi trường kinh doanh dịch vụ năng động, góp phần phát triển ngành du lịch – khách sạn theo định hướng bền vững và hội nhập quốc tế.

1.1.1. Mục tiêu cụ thể

1.1.1.1. Về kiến thức

PEO1. Sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và các môn học đại cương như kinh tế học, luật, toán học, quản trị học, văn hóa – xã hội, giúp xây dựng nền tảng tư duy và khả năng phân tích vấn đề trong môi trường kinh doanh khách sạn.

PEO2. Sinh viên hiểu và áp dụng được các nguyên lý cơ bản của quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, marketing, và quản trị nguồn nhân lực vào ngành quản trị khách sạn.

PEO3. Sinh viên nắm được các kiến thức chuyên sâu về quản trị khách sạn, bao gồm tổ chức, vận hành các bộ phận trong khách sạn (tiền sảnh, dịch vụ phòng, nhà hàng, tổ chức sự kiện...), từ đó có khả năng phân tích, hoạch định và tổ chức quản lý hoạt động trong khách sạn.

PEO4. Hiểu rõ các yếu tố tác động đến môi trường kinh doanh khách sạn như sự thay đổi trong hành vi khách hàng, xu hướng phát triển du lịch và công nghệ trong ngành khách sạn.

PEO5. Sinh viên có khả năng áp dụng các kỹ thuật và phương pháp quản trị chuyên sâu như quản lý tài chính khách sạn, xây dựng chiến lược marketing cho khách sạn, thiết kế các chương trình đào tạo nhân viên, và quản lý chất lượng dịch vụ.

PEO6. Được trang bị các kiến thức về quản lý khách sạn trực tuyến, xu hướng đổi mới công nghệ, và sự phát triển của các dịch vụ kỹ thuật số trong ngành.

1.1.1.2. Về kỹ năng

PEO7. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ quản lý và điều hành hoạt động khách sạn ở các cấp độ khác nhau.

PEO8. Ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý khách sạn và các công cụ số trong công việc chuyên môn.

PEO9. Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt và tiếng Anh trong môi trường làm việc đa văn hóa; xử lý tình huống và giải quyết vấn đề trong dịch vụ khách hàng.

PEO10. Tổ chức, điều phối, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của các bộ phận trong khách sạn.

PEO11. Làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng dẫn dắt nhóm và thích ứng linh hoạt với môi trường làm việc thay đổi.

1.1.1.3. Về Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PEO12. Có khả năng tự định hướng học tập suốt đời, tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực khách sạn – du lịch.

PEO13. Chịu trách nhiệm với công việc được giao và kết quả công việc cá nhân cũng như của nhóm.

PEO14. Có tinh thần khởi nghiệp, khả năng hoạch định chiến lược kinh doanh, ra quyết định quản lý khách sạn phù hợp với tình hình thực tế.

PEO15. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm xã hội và hành xử đúng mực trong hoạt động nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1 Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Giải thích
---------------------	-------------------

PLO1	Hiểu và áp dụng các lý thuyết cơ bản về quản trị, kinh tế học, và các môn học đại cương liên quan đến xã hội, văn hóa và lịch sử, nhằm phát triển toàn diện nhân cách và tư duy phân tích cho sinh viên.
PLO2	Hiểu rõ các nguyên lý cơ bản trong quản trị khách sạn, bao gồm quản lý tài chính, marketing, nguồn nhân lực và hoạt động vận hành trong ngành khách sạn.
PLO3	Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực trong ngành quản trị khách sạn, bao gồm quản lý dịch vụ khách hàng, các kỹ thuật và quy trình vận hành, quản lý chuỗi cung ứng và dịch vụ ăn uống.
PLO4	Nắm vững các ứng dụng công nghệ số hiện đại trong ngành khách sạn, sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ trong giao tiếp chuyên môn, có khả năng đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành và giao tiếp với khách hàng quốc tế.
PLO5	Hiểu biết về các tiêu chuẩn chất lượng trong quản lý khách sạn, các chính sách bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong ngành dịch vụ du lịch và khách sạn.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO6	Có khả năng phân tích, lập kế hoạch tài chính và dự báo ngân sách cho các hoạt động kinh doanh khách sạn.
PLO7	Thành thạo trong việc quản lý các bộ phận như lễ tân, buồng phòng, dịch vụ ăn uống, và các hoạt động cung cấp dịch vụ khác trong khách sạn.
PLO8	Sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý khách sạn, đặt phòng trực tuyến, và các công cụ hỗ trợ khách hàng để nâng cao hiệu quả công việc.

2.2.2 Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO9	Có khả năng giao tiếp hiệu quả, xử lý tình huống trong môi trường dịch vụ, và tạo ra trải nghiệm khách hàng xuất sắc.

PLO10	Có khả năng lãnh đạo, quản lý và xây dựng đội ngũ nhân viên trong các bộ phận của khách sạn, đồng thời duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp.
PLO11	Có khả năng phân tích tình huống, đưa ra quyết định hợp lý và xử lý các tình huống khó khăn trong hoạt động

2.2.3 *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO12	Có khả năng tự học, nghiên cứu và cập nhật kiến thức mới trong ngành quản trị khách sạn, đặc biệt là các xu hướng công nghệ mới và nhu cầu thay đổi trong ngành.
PLO13	Có khả năng quản lý công việc cá nhân và làm việc độc lập, xác định ưu tiên công việc và hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn.
PLO14	Có trách nhiệm trong việc quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ khách hàng, đồng thời bảo đảm chất lượng dịch vụ đạt yêu cầu.
PLO15	Có khả năng thích ứng và quản lý thay đổi trong môi trường làm việc của ngành khách sạn, đặc biệt là trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và các yêu cầu của khách hàng ngày càng cao.

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Quản trị khách sạn có thể làm việc:

- Nhân viên lễ tân:
 - + Làm việc tại các khách sạn, resort, nhà nghỉ, hoặc các cơ sở lưu trú.
 - + Đảm nhiệm việc chào đón, làm thủ tục check-in/check-out cho khách hàng, hỗ trợ khách trong quá trình lưu trú.
- Quản lý khách sạn: Làm việc ở các vị trí quản lý cấp trung hoặc cao cấp, như trưởng bộ phận lễ tân, quản lý nhà hàng, quản lý dịch vụ khách hàng.
- Nhân viên hoặc quản lý nhà hàng: Làm việc tại các nhà hàng thuộc khách sạn hoặc độc lập, chịu trách nhiệm vận hành và giám sát dịch vụ ăn uống.
- Nhân viên hoặc quản lý sự kiện: Tổ chức và điều hành các sự kiện, hội thảo, hoặc tiệc cưới tại khách sạn và khu nghỉ dưỡng.
- Chuyên viên marketing trong lĩnh vực du lịch - khách sạn: Phát triển chiến lược quảng bá, thu hút khách hàng đến các khách sạn hoặc dịch vụ liên quan.

- Khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ - khách sạn: Tự mở doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú, dịch vụ ăn uống hoặc tổ chức sự kiện.

2.5. Trình độ tin học, ngoại ngữ

Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên ngành Quản trị khách sạn của trường Đại học Tây Đô. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo Quy định về yêu cầu kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Công nghệ thông tin của Trường đại học Tây Đô.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị khách sạn sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Sinh viên có thể tự nghiên cứu, học tập, bổ sung những tri thức và kỹ năng nghiệp vụ còn thiếu nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch nhân sự ở nơi làm việc.
- Sinh viên có thể tiếp tục học tập ở các bậc cao hơn như thạc sĩ, hoặc tiến sĩ về Quản trị Khách sạn, Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành hoặc các lĩnh vực khác liên quan.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

(không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1 Quy trình đào tạo

- Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021).

- Thực hiện theo học chế tín chỉ kết hợp học tập thực tế.

- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa, năm học và học kỳ. Khóa học được thực hiện 3,5 năm. Một năm học có 03 học kỳ chính, mỗi học kỳ kéo dài 04 tháng (HK1: Tháng 9 → Tháng 12; HK2: Tháng 01 → Tháng 04; HK3: Tháng 5 → Tháng 8), trong đó mỗi học kỳ gồm 12 tuần học và dự trữ, 02 tuần thi. Khoảng nghỉ giữa mỗi kỳ là 02→03 tuần (chưa bao gồm nghỉ Tết). Số tín chỉ trung bình mỗi học kỳ từ 12 →15 tín chỉ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.
- e) Đạt chuẩn thể lực, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

7. THANG ĐIỂM

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021).

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:**130 tín chỉ**

TT	Khối lượng học tập	TÍN CHỈ		
		TS	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27	24	3
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91	87	4
3	Thực tập tốt nghiệp, Đồ án, khóa luận tốt nghiệp	12		12
Tổng cộng		130	111	19

8.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	0301002902	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	
8	0301002903	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	
9	0301002904	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	
10	0301002997	Năng lực số	3	1	2
11	0301000060	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2	
12	0301000650	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	3	5
13	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
14	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
15	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
16	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
17	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
18	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
19	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
20	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			1
21	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
22	0301003005	Tiếng Anh tăng cường 1**	3	3	
	0301003006	Tiếng Anh tăng cường 2**	3	3	
	0301003007	Tiếng Anh tăng cường 3**	3	3	
	0301003008	Tiếng Anh tăng cường 4**	3	3	
23	0301003009	Nhập môn Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2	
24	KNM	Kỹ năng mềm**	4	4	
25	KNN	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	4	
Tổng			27+33	24	3

8.2 Kiến thức cơ sở ngành: 36 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
Học phần bắt buộc			32		
26	0301001677	Tổng quan du lịch	3	3	
27	0301002050	Địa lý du lịch và thắng cảnh Việt Nam	3	3	
28	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2	
29	0301001609	Phương pháp nghiên cứu khoa học QTKS	2	2	
30	0301003278	Du lịch thế giới và toàn cầu hóa	2	2	
31	0301003277	Mô hình kinh doanh khách sạn và thị trường lưu trú	3	3	
32	0301000446	Quản trị học	3	3	
33	0301003279	Giao tiếp đa văn hóa trong ngành khách sạn	2	2	
34	0301000227	Kinh tế du lịch	2	2	
35	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2	
36	0301003280	Công nghệ trong dịch vụ du lịch – khách sạn	3	3	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
37	0301003281	Pháp luật trong ngành khách sạn và lưu trú	2	2	
38	0301003306	Tổng quan cơ sở lưu trú	3	3	
Học phần tự chọn			4		
39	0301000454	Quản trị marketing	2	2	
40	0301002214	Văn hóa du lịch	2	2	
41	0301003304	Văn hóa và đạo đức nghề trong khách sạn	2	2	
42	0301003282	Cơ sở văn hóa và lễ nghi quốc tế trong dịch vụ	2	2	
Tổng			36	36	

8.3. Kiến thức ngành: 67 tín chỉ

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
Phần bắt buộc			43		
43	0301000451	Quản trị kinh doanh lưu trú	3	3	
44	0301001793	Quản trị nhân sự khách sạn	2	2	
45	0301003300	Quản trị sự kiện và yến tiệc trong khách sạn	2	2	
46	0301003301	Quản trị chất lượng & trải nghiệm khách sạn	3	3	
48	0301001801	Quản trị ẩm thực	2	2	
50	0301002483	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	2	2	
51	0301003298	Ứng dụng công nghệ số trong vận hành khách sạn	2	2	
52	0301003283	Quản trị phát triển bền vững trong khách sạn	2	2	
53	0301001802	Lập & Phân tích dự án kinh doanh khách sạn	3	3	
54	0301003303	Quản trị tài chính khách sạn	3	3	
55	0301001803	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	4	
56	0301003284	Quản trị cơ sở lưu trú đặc thù	2	2	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
57	0301003299	Marketing và thương mại điện tử trong khách sạn	3	3	
58	0301003297	Niên luận ngành QTKS	2		2
59	0301001804	Thực tế - QTKS	2		2
60	0301002486	Thực tập tốt nghiệp – QTKS	4		4
61	0301003302	Quản trị khu nghỉ dưỡng (resort)	2		
Phần tự chọn			24		
62	0301003285	Đặc trưng văn hóa ASEAN trong ngành khách sạn	2	2	
63	0301000339	Nghệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	2	
64	0301001807	Khởi nghiệp kinh doanh khách sạn	2	2	
65	0301001798	Quản trị du lịch MICE	2	2	
66	0301000428	Quan hệ công chúng	2	2	
67	0301001916	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2	2	
68	0301003286	Quản trị nhân sự đa văn hóa	2	2	
69	0301003287	Thiết kế sản phẩm dịch vụ khách sạn	2	2	
70	0301003288	Vận hành khách sạn quy mô nhỏ và lưu trú cộng đồng	2	2	
71	0301003289	Tổ chức sự kiện theo văn hóa địa phương	2	2	
72	0301003305	Quản trị thương hiệu khách sạn	2	2	
73	0301003290	Thiết kế sản phẩm lưu trú gắn với văn hóa bản địa	2	2	
74	0301003291	Xu hướng lưu trú và thị trường toàn cầu	2	2	
75	0301003292	AI trong dịch vụ khách sạn	2	2	
76	0301003293	Xây dựng dự án phát triển khách sạn nhỏ	2	2	
77	0301003294	Xây dựng thương hiệu địa phương cho cơ sở lưu trú	2	2	
78	0301003295	Phát triển sản phẩm dịch vụ	2	2	

STT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	LT	TH
79	0301003296	Mô hình kinh doanh khách sạn bền vững	2	2	
80	0301002487	Khóa luận tốt nghiệp – QTKS	8		8
81	0301002488	Tiểu luận tốt nghiệp – QTKS	4		4
Tổng			73	57	16
TỔNG CỘNG: 130 TÍN CHỈ (Bắt buộc: 99 TC; Tự chọn: 31 TC) và 11 TC học phần điều kiện.					

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Pháp luật đại cương	2	2		30		
2	Năng lực số	3		3	75	15	60
3	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2		30		
4	Tổng quan du lịch	3	3		45		
5	Quản trị học	3	3		45		
Tổng		13					

Học kỳ 2:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Triết học Mác - Lênin	3	3		45	45	
2	Tiếng Anh căn bản 1	3	3		45	45	
3	Địa lí du lịch và thắng cảnh Việt Nam	3	3		45	45	
4	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2		30	30	
5	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
6	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**						
7	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**						
Tự chọn: 2 TC							
8	Quản trị marketing	2	2		30	30	
9	Văn hóa du lịch	2	2		30	30	

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
Tổng			13+ 1				

Học kỳ 3:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	30	
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	3		45	45	
3	Tổng quan cơ sở lưu trú	3	3		45	45	
4	Giáo dục quốc phòng - An ninh**	8	3	5	165	77	88
5	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyên**	1		1	30		30
6	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**						
7	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**						
Tổng		8+9					

Học kỳ 4

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	30	
2	Tiếng Anh căn bản 3	3	3		45	45	
3	Pháp luật trong ngành khách sạn và lưu trú	2	2		30	30	
4	Mô hình kinh doanh khách sạn và thị trường lưu trú	3	3		45	45	
5	Du lịch thế giới và toàn cầu hóa	2	2		30	30	
6	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyên**	1		1	30		30
7	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**						
8	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**						
9	Nhập môn Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2		30	30	
Tự chọn: 2 TC							
10	Văn hóa và đạo đức nghề trong khách sạn	2	2		30	30	

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
11	Cơ sở văn hóa và lễ nghi quốc tế trong dịch vụ	2	2		30	30	
Tổng		14+3					

Học kỳ 5:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	30	
2	Giao tiếp đa văn hóa trong ngành khách sạn	2	2		30	30	
3	Kinh tế du lịch	2	2		30	30	
4	Tâm lí du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2		30	30	
5	Quản trị nhân sự khách sạn	2	2		30	30	
6	Quản trị sự kiện và yến tiệc trong khách sạn	2	2		30	30	
7	Kỹ năng mềm**	4	4		60	60	
Tự chọn: 2 TC							
8	Đặc trưng văn hóa ASEAN trong ngành khách sạn	2	2		30	30	
9	Nghiệp vụ lễ tân và tiền sảnh	2	2		30	30	
Tổng		14+4					

Học kỳ 6:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
2	Công nghệ trong dịch vụ du lịch – khách sạn	3	3		45	45	
3	Quản trị kinh doanh lưu trú	3	3		45	45	
4	Quản trị ẩm thực	2	2		30	30	
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học QTKS	2	2		30	30	
Tự chọn: 2 TC							
6	Xu hướng lưu trú và thị trường toàn cầu	2	2		30	30	

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
7	AI trong dịch vụ khách sạn	2	2		30	30	
Tổng		14					

Học kỳ 7:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	2	2		30	30	
2	Lập & Phân tích dự án kinh doanh khách sạn	3	3		45	45	
3	Ứng dụng công nghệ số trong vận hành khách sạn	2	2		30	30	
4	Tiếng Anh chuyên ngành khách sạn	4	4		60	60	
Tự chọn: 4 TC							
5	Khởi nghiệp kinh doanh khách sạn	2	2		30	30	
6	Quản trị du lịch MICE	2	2		30	30	
7	Thiết kế sản phẩm lưu trú gắn với văn hóa bản địa	2	2		30	30	
8	Xây dựng thương hiệu địa phương cho cơ sở lưu trú	2	2		30	30	
Tổng		15					

Học kỳ 8:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Marketing và thương mại điện tử trong khách sạn	3	3		45	45	
2	Niên luận ngành QTKS	2		2	60		60
3	Quản trị khu nghỉ dưỡng (resort)	2	2		30	30	
4	Quản trị tài chính khách sạn	3	3		45	45	
Tự chọn: 4 TC							
5	Quan hệ công chúng	2	2		30	30	
6	Truyền thông và tiếp thị số trong du lịch	2	2		30	30	

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
7	Quản trị nhân sự đa văn hóa	2	2		30	30	
8	Thiết kế sản phẩm dịch vụ khách sạn	2	2		30	30	
Tổng		14					

Học kỳ 9

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Quản trị phát triển bền vững trong khách sạn	2	2		30	30	
2	Thực tế - QTKS	2		2	30		60
3	Quản trị chất lượng & trải nghiệm khách sạn	3	3		45	45	
4	Quản trị cơ sở lưu trú đặc thù	2	2		30	30	
Tự chọn: 6 TC							
5	Vận hành khách sạn quy mô nhỏ và lưu trú cộng đồng	2	2		30	30	
6	Tổ chức sự kiện theo văn hóa địa phương	2	2		30	30	
7	Quản trị thương hiệu khách sạn	2	2		30	30	
8	Phát triển sản phẩm dịch vụ	2	2		30	30	
Tổng		13					

Học kỳ 10:

STT	Học phần	TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp - QTKS	4		4	120		120
2	Khóa luận tốt nghiệp - QTKS	8		8	240		240
3	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKS	4		4	120		120
4	Xây dựng dự án phát triển khách sạn nhỏ	2	2		30	30	
5	Mô hình kinh doanh khách sạn bền vững	2	2		30	30	
6	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	4		30	30	
Tổng		12	4	8			

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập, thực hành

= 45 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

10.2. Chương trình ngành Quản trị khách sạn được thiết kế theo đơn ngành

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Công Luận